

Bản án số: 189 /2021/HNGĐ- ST

Ngày: 06/05/2021

V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Đăng Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2021/TLST- HNGĐ ngày 07/01/2021 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-ST ngày 31/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐ-HNGĐ ngày 16/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1989; HKTT và nơi cư trú: G, P, xã P1, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.(Có mặt)

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1989; HKTT và nơi cư trú: G, P, xã P1, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - anh Trần Văn N trình bày:

Tôi và chị **Nguyễn Thị M** kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1 ngày 05/10/2010. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại thôn P, xã P1, huyện Chương Mỹ. Tôi và chị M đã ly thân 2 năm nay, nguyên nhân mâu thuẫn do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị M.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 07/7/2011 và Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 19/8/2019. Tôi xin được nuôi cháu T, chị M nuôi cháu Đ, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị M đã được giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc.

Tại Tòa ngày 06 tháng năm 2021 chị trình bày như sau:

Tôi và anh Trần Văn N kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1 ngày 05/10/2010. Vợ chồng tôi ly thân 02 năm, bất đồng quan điểm sống.

Nay anh N làm đơn xin ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 07/7/2011 và Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 19/8/2019.

Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng xin nuôi 02 con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Anh N được ly hôn chị M. Con chung: Giao cháu T cho anh N nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho chị M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản, công sức, công nợ: không yêu cầu giải quyết. Anh Trần Văn N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Văn N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Thị M. Chị M đang sinh sống tại thôn P, xã P1, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý

giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị M thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1 ngày 05/10/2010 là hợp pháp. Quá trình anh N và chị M chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Theo anh N nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã ly thân 2 năm. Tại phiên tòa, anh N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị M, chị M đồng ý ly hôn.

Xét thấy, tình cảm giữa anh N và chị M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh N với chị M là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh N và chị M có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 07/7/2011 và Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 19/8/2019. Cháu T có nguyện vọng muốn ở với anh Nguyễn, cháu Đ là con gái và con nhỏ. Do đó, giao cho anh N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T, giao chị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị M, anh Nguyễn.

Chị M, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Anh N và chị M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị M

2. Về con chung: Anh N và chị M có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 07/7/2011 và Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 19/8/2019.

Giao cho anh Trần Văn N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 07/7/2011, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Giao cho chị Nguyễn Thị M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 19/8/2019, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị M, anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0010483 ngày 05/01/2021.

Anh Trần Văn N, chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Vương Đăng Khoa